

QUAN ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN VỀ VIỆC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG ĐI THỰC TẾ TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

BÙI THỊ ÁNH NGỌC *

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu quan điểm của giảng viên về việc triển khai hoạt động đi thực tế trong dạy học tiếng Anh. Dữ liệu được thu thập dựa trên phỏng vấn bán cấu trúc với các giảng viên trực tiếp triển khai hoạt động cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình chất lượng cao, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng khi lên kế hoạch và tổ chức chuyến đi thực tế, ba giai đoạn quan trọng cần được triển khai: trước chuyến đi, trong chuyến đi và sau chuyến đi. Giảng viên cũng đánh giá cao những lợi ích của hoạt động này trong giảng dạy ngoại ngữ mặc dù thực tế còn gặp một số khó khăn nhất định. Bài viết từ đó đề xuất một số gợi ý nhằm nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động đi thực tế trong giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ.

Từ khóa: Đi thực tế, quan điểm giáo viên, hoạt động ngoài lớp học

Abstract: The article investigates teachers' perspectives on field trip implementation in teaching English. Data collection instrument includes semi-structured interviews with the teachers who directly organized the field trips for non-English major students of the fast-track program at University of Engineering and Technology, Vietnam National University, Hanoi. The major findings of this research have revealed that when planning and organizing a field trip, three important stages should be included: pre-

trip, trip, and post-trip. Additionally, this activity has been highly appreciated by the instructors for its benefits; however, they still face certain challenges. Some pedagogical implications have been also proposed for the effective field trip implementation in EFL education.

Keywords: Field trip, teachers' perspectives, outside-classroom activities.

1. Đặt vấn đề

1.1. Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng là công cụ không thể thiếu trong hành trang của sinh viên tốt nghiệp. Việc tổ chức dạy và học ngoại ngữ đã và đang được đầu tư rất lớn với mục tiêu sinh viên “tốt nghiệp đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [1]. Theo tác giả Khamkhien [9], *nói* là một trong những kỹ năng quan trọng nhất khi học một ngoại ngữ, trong đó có ngôn

* ThS - Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: ngocbta@vnu.edu.vn

ngữ tiếng Anh. Bygate [4] thì cho rằng kỹ năng nói là một trong những kỹ năng mang tính phản xạ, giúp người học sử dụng được ngoại ngữ để bày tỏ ý kiến, suy nghĩ và cảm xúc với người đối diện, người nghe. Hơn thế nữa, kỹ năng nói cũng góp phần củng cố thêm kỹ năng nghe của người học, giúp tăng cường vốn từ vựng và luyện tập các kỹ năng có liên quan. Chính vì vậy, rất nhiều sinh viên Việt Nam khi học tiếng Anh đều mong muốn được học và thực hành nhiều để nâng cao kỹ năng nói, giúp ích cho việc học tập và làm việc trong tương lai.

Trong quá trình giảng dạy sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), chúng tôi nhận thấy giống như nhiều người học ngoại ngữ trong môi trường phi bản ngữ, sinh viên gặp rất nhiều khó khăn trong thực hành các kỹ năng giao tiếp; họ chưa có môi trường thực hành để áp dụng kiến thức đã học và tăng sự thành thạo, lưu loát, tự tin trong giao tiếp tiếng Anh. Do vậy, chúng tôi mong muốn các hoạt động đổi mới được thực hiện để tạo nên những thay đổi và tìm ra giải pháp cho những vấn đề mà người học gặp phải. Cụ thể, triển khai hoạt động đưa sinh viên ra ngoài lớp học trải nghiệm thực tế là một phương pháp hữu hiệu giúp nâng cao kỹ năng nghe - nói cho sinh viên. Michie [11] cho rằng hoạt động thực tế là hoạt động diễn ra ngoài khuôn khổ cứng nhắc của lớp học. Theo Brian và Linda [3], hoạt động này giúp người học có những trải nghiệm thật về kiến thức học được truyền thụ trên lớp [3]. Theo Nabors và cộng sự [12], hoạt động thực tế còn giúp nâng cao động lực học tập của người học, giúp họ năng động hơn trong tiến trình học tập và vì thế mà đạt kết quả tốt hơn. Với những lợi ích đó, chúng tôi tiến hành triển khai hoạt động đi thực tế trong học phần Tiếng Anh

B1 cho sinh viên không chuyên tiếng Anh hệ chất lượng cao theo Thông tư 23 thuộc Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN. Sau quá trình triển khai, chúng tôi tiến hành nghiên cứu khảo sát, lấy ý kiến từ giảng viên trực tiếp tham gia.

1.2. Nghiên cứu tập trung làm rõ những vấn đề sau:

1- Giảng viên ngoại ngữ có quan điểm như thế nào về những yếu tố ảnh hưởng đến thành công của hoạt động đi thực tế?

2- Giảng viên ngoại ngữ có quan điểm thế nào về lợi ích của hoạt động đi thực tế?

3- Những khó khăn nào mà giảng viên ngoại ngữ gặp phải khi triển khai hoạt động đi thực tế?

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Hoạt động đi thực tế được triển khai như một trong chuỗi các nhiệm vụ mà người học cần hoàn thành nhằm mục đích nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp thực tế. Trước tiên, giảng viên sẽ cung cấp một chủ đề lớn (ví dụ như danh lam thắng cảnh của Hà Nội, cuộc sống con người, ẩm thực đường phố,...); sau đó, sinh viên sẽ được chia thành các nhóm gồm 4 hoặc 5 người, thống nhất chủ đề nhỏ để thực hiện. Chuyến đi trải nghiệm diễn ra trong một ngày; sinh viên tìm bối cảnh, quay video mô tả chi tiết hoạt động trải nghiệm và phỏng vấn người xung quanh bằng tiếng Anh. Sau đó, sinh viên có 2 tuần để hoàn thành video sản phẩm, chuẩn bị bài thuyết trình báo cáo sản phẩm trước lớp và viết bản thu hoạch về hoạt động trải nghiệm của nhóm mình. Đây là một hoạt động mới trong chương trình, thu hút được sự quan tâm và phấn khích của cả giáo viên và sinh viên.

Phương pháp nghiên cứu tình huống được sử dụng trong nghiên cứu này. Do hoạt động đi thực tế mới được triển khai tại

Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ từ học kỳ 1 năm 2020 - 2021, nên nghiên cứu được thực hiện với khách thể nghiên cứu là 8 giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy, triển khai hoạt động này trong học phần tiếng Anh B1 cho 8 lớp hệ Chất lượng cao của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN. Dữ liệu được thu thập qua phỏng vấn bán cấu trúc. Sau khi phỏng vấn, dữ liệu được mã hóa và phân tích.

2. Khái quát về hoạt động đi thực tế

Giáo dục đại học được cho là tạo ra sự cân bằng giữa lý thuyết và thực tiễn. Người học đòi hỏi sự giáo dục hiệu quả để đạt được kiến thức và áp dụng kiến thức đó trong tương lai. Với mục đích này, những hoạt động học tập vượt quá khuôn khổ lớp học truyền thống, trong đó có hoạt động đi thực tế là phương pháp dạy học thiết yếu. Cụ thể là, hoạt động đi thực tế có thể cung cấp kiến thức cho người học trong môi trường học tập đặc biệt, thúc đẩy hiểu biết về thực tiễn thông qua quan sát, giác quan học, thực hành [13].

Theo hai tác giả Krepel và DuVall [10], đi thực tế là chuyến đi được tổ chức với trường hoặc lớp với mục đích giáo dục, trong đó người học có điều kiện tương tác với môi trường, quan sát và thực hành để đạt được sự kết nối kinh nghiệm với các ý tưởng, khái niệm và chủ đề. Hoạt động đi thực tế nhằm mục đích làm phong phú, sống động và hỗ trợ cho nội dung chương trình học bằng việc quan sát, trải nghiệm trực tiếp bên ngoài lớp học [2]. Hoạt động này hấp dẫn người học bởi cung cấp trải nghiệm học tập mới mẻ, tăng hứng thú và động lực học tập, kích lệ học tập suốt đời [7].

Cũng giống như rất nhiều lĩnh vực khác, chuyến đi thực tế trong giảng dạy tiếng Anh

đang trở thành một hoạt động hiệu quả bởi nó cung cấp cả sự khám phá và trải nghiệm cho người học. Chuyến đi thực tế giúp người học ghi nhớ, kết nối với kiến thức đã học; nhờ đó tạo động lực học tập [5]. Đặc biệt, hoạt động này góp phần rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn. Trước tiên, người học có được môi trường thực hành nói thật; họ có cơ hội được giao tiếp, xử lý tình huống để đạt được mục đích giao tiếp. Hơn thế, đưa người học ra khỏi bốn bức tường của lớp học, giúp họ kết nối kiến thức học được trong sách vở với thế giới bên ngoài; thực hành lý thuyết được học vào thực tiễn. Đồng thời, người học có thể tham gia vào các hoạt động đa dạng trong thế giới thật; đặc biệt là chuyến đi thực tế đem lại sự hứng khởi về địa điểm mới, con người mới và những cơ hội mới để thực hành ngôn ngữ.

Theo Jordan [8], hoạt động đi thực tế mở rộng nguồn tài nguyên học tập với người học. Người học có điều kiện tương tác với môi trường thật, thực hành, kết nối kinh nghiệm với những gì họ từng đọc, xem trên tivi hay trên mạng Internet. Một số học giả cũng cho rằng triển khai hoạt động đi thực tế giúp mối quan hệ giữa người học - người học, người học - giáo viên trở nên tốt hơn. Evans [6] nhấn mạnh rằng người học được trải nghiệm vai trò lãnh đạo, tăng lòng tự trọng, thắt chặt mối quan hệ với bạn học nhờ có chuyến đi thực tế.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Quan điểm của giảng viên về những yếu tố ảnh hưởng đến thành công của hoạt động đi thực tế

Để hoạt động đi thực tế được thành công, có rất nhiều yếu tố cần được xem xét. Trước tiên, chủ đề của hoạt động nên mới mẻ, thú vị. “*Giáo viên có thể đưa ra các*

Bảng 1. Quan điểm của giảng viên về những yếu tố ảnh hưởng đến thành công của hoạt động đi thực tế

Những yếu tố ảnh hưởng đến thành công của hoạt động đi thực tế	Tỉ lệ %
Trước chuyến đi	
Cần có quy trình, kế hoạch triển khai hoạt động cụ thể	100
Cần trang bị kiến thức ngôn ngữ liên quan cho người học trước khi bắt đầu hoạt động	100
Mục đích của hoạt động cần liên quan đến nội dung chương trình học và cần được làm rõ	75,0
Chi phí cho chuyến đi phù hợp với đối tượng sinh viên	75,0
Chủ đề của hoạt động nên mới mẻ, thú vị	62,5
Việc di chuyển tới địa điểm thuận tiện	62,5
Địa điểm đi thực tế cần được thị sát trước khi triển khai hoạt động	50,0
Trong chuyến đi	
Các nhiệm vụ triển khai thú vị, hấp dẫn và phù hợp mục đích của chuyến đi	75,0
Các nhiệm vụ triển khai cần khả thi với địa điểm thực tế	62,5
Sau chuyến đi	
Kinh nghiệm của người học cần được củng cố lại thông qua các hoạt động phản hồi như báo cáo thu hoạch, thuyết trình sản phẩm	100
Tiêu chí đánh giá sản phẩm cần cụ thể	87,5
Khảo sát ý kiến người học để có điều chỉnh phù hợp cho những hoạt động về sau	75,0

chủ đề lớn, khơi gợi ý tưởng thu hẹp chủ đề, thúc đẩy sự sáng tạo từ người học” (Giảng viên 5). “Chủ đề các nhóm lựa chọn cần được giáo viên thông qua, công khai để tránh trùng lặp, gây nhầm lẫn” (Giảng viên 8). Trước chuyến đi thực tế, tất cả giảng viên được phỏng vấn đều đồng ý rằng cần có quy trình, kế hoạch triển khai cụ thể. “Trong buổi hướng dẫn, giáo viên nêu rõ quy trình, kế hoạch triển khai hoạt động với các mốc thời gian chi tiết cho từng giai đoạn của hoạt động để sinh viên lập kế

hoạch và thực hiện đúng tiến độ” (Giảng viên 1). Giảng viên 3 cũng chia sẻ: “Khi có kế hoạch rõ ràng, sinh viên sẽ biết họ cần làm gì, nộp sản phẩm gì vào thời gian nào; nhờ đó sẽ thúc đẩy tiến độ công việc”. Thêm vào đó, để hoạt động được diễn ra suôn sẻ, sinh viên cần được trang bị kiến thức ngôn ngữ liên quan trước khi họ bắt đầu. “Tôi chuẩn bị cho sinh viên cấu trúc, từ vựng miêu tả địa danh, con người, ẩm thực, văn hóa thông qua các bài tập nghe hiểu, hoạt động nói” (Giảng viên 2). “Khi đi thực tế, sinh viên sẽ phỏng vấn người nước ngoài bằng tiếng Anh; do vậy, trên lớp, tôi cho sinh viên thảo luận những câu hỏi nào là phù hợp khi phỏng vấn khách du lịch, cách hỏi đáp, giao tiếp như thế nào để duy trì cuộc hội thoại” (Giảng viên 4). “Sinh viên cần được hướng dẫn cách trình bày bài thuyết trình bằng tiếng Anh, ví dụ như cách mở đầu sao cho lôi cuốn người nghe, cách bố cục bài thuyết trình, chuyển tiếp giữa các thành viên trong nhóm, tạo hoạt động để tương tác với người nghe, cách trả lời câu hỏi từ khán giả” (Giảng viên 7). 75% giảng viên được phỏng vấn nhất trí rằng mục đích của hoạt động cần liên quan đến nội dung chương trình học và cần được làm rõ. “Trọng tâm hoặc mục đích của chuyến đi thực tế cần giúp sinh viên sử dụng, vận dụng sáng tạo các kiến thức được học trong chương trình; nhờ đó thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành” (Giảng viên 6). Hơn nữa, 6/8 (75%) giảng viên cho rằng chi phí cho chuyến đi nên phù hợp với đối tượng sinh viên và 5/8 (62,5%) giảng viên khẳng định việc lựa chọn địa điểm thuận tiện di chuyển cũng là yếu tố giúp chuyến đi được thành công. “Sinh viên năm thứ nhất nhiều em từ ngoại tỉnh chưa thông thạo đường xá, chưa có phương tiện cá nhân nên địa điểm có các

tuyến xe buýt lưu thông cũng là một lợi thế” (Giảng viên 1). Ngoài ra, 50% giảng viên cho rằng họ cần thị sát địa điểm thực tế trước khi triển khai hoạt động để đảm bảo đạt được mục đích của chuyến đi.

Trong chuyến đi thực tế, có hai yếu tố cần được đáp ứng. Thứ nhất, các nhiệm vụ triển khai cần phù hợp với mục đích chuyến đi. *“Mục tiêu của chuyến đi là giúp người học có cơ hội thực hành khả năng sử dụng tiếng Anh trong môi trường thực tế. Vì vậy, giáo viên cần yêu cầu sinh viên thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng như giới thiệu về địa điểm, chia sẻ trải nghiệm, giao tiếp bằng tiếng Anh”* (Giảng viên 1). Thứ hai, giáo viên cần cân nhắc những nhiệm vụ nào là khả thi với tình hình thực tế. Chẳng hạn, *“Trong kịch bản của chuyến đi, sinh viên sẽ tham gia phỏng vấn từ 2-5 người nước ngoài bằng tiếng Anh. Do vậy, việc lựa chọn địa điểm cần cân nhắc đến yếu tố có nhiều khách du lịch; trong trường hợp không có người nước ngoài, giáo viên nên khuyến khích những lựa chọn thay thế để người học vẫn đạt được mục tiêu đề ra”* (Giảng viên 4).

Sau chuyến đi thực tế, đây là quá trình nhìn lại những trải nghiệm, đánh giá những điểm đạt và chưa đạt trong quá trình đi thực tế, lấy ý kiến để điều chỉnh các hoạt động sau này. Với đối tượng là sinh viên, cả 8 giảng viên được phỏng vấn đều cho rằng cách tốt nhất là tạo các bài thuyết trình để chia sẻ với các thành viên trong lớp kinh nghiệm thực tế họ thu được trong chuyến đi. Hoạt động này cũng *“giúp cho giáo viên đánh giá được năng lực toàn diện của từng cá nhân để điều chỉnh nội dung và các hoạt động giảng dạy trong thời gian còn lại của khóa học”* (Giảng viên 7). Thêm vào đó, 87,5% giảng viên nhất trí rằng cần có tiêu chí đánh giá sản phẩm cụ thể. *“Trước tiên,*

tỉ trọng đánh giá các sản phẩm cần hợp lý; sau đó, mỗi sản phẩm cần có các tiêu chí rõ ràng và những tiêu chí đánh giá này cần được công khai với người học trước khi hoạt động bắt đầu” (Giảng viên 4). Cuối cùng, khảo sát ý kiến người tham gia sau khi kết thúc hoạt động sẽ giúp giáo viên khắc phục những hạn chế, thay đổi cho những hoạt động đi thực tế về sau.

3.2. Quan điểm của giảng viên về lợi ích của hoạt động đi thực tế

3.2.1. Lợi ích cho sinh viên

Bảng 2. Quan điểm của giảng viên về lợi ích của hoạt động đi thực tế đối với sinh viên

Lợi ích của hoạt động đi thực tế đối với sinh viên	Tỉ lệ %
Vận dụng kiến thức tiếng Anh vào trải nghiệm thực tế	100
Mở mang kiến thức về văn hóa/con người/địa danh	62,5
Thúc đẩy sự chủ động, ý thức tự học, tự khám phá, tìm kiếm thông tin	87,5
Tăng khả năng linh hoạt, ứng biến	50,0
Được đánh giá, góp ý liên tục	62,5
Tăng sự hứng thú với môn học	75,0
Rèn luyện tính kỷ luật	50,0
Cải thiện kỹ năng giao tiếp	75,0
Cải thiện kỹ năng làm việc nhóm	87,5
Cải thiện kỹ năng thuyết trình	62,5
Tăng khả năng tương tác với bạn học	87,5

Trước hết, tất cả giảng viên đồng quan điểm rằng lợi ích lớn nhất của chuyến đi thực tế là giúp sinh viên vận dụng được kiến thức tiếng Anh vào trải nghiệm thực tế. *“Vượt ra khỏi khuôn khổ lớp học, sinh viên có cơ hội được thực hành kỹ năng nói với người nước ngoài; đây là một cơ hội quý giá với sinh viên không chuyên ngữ”* (Giảng viên 4). 5/8 (62,5%) giảng viên nhận định rằng chuyến đi thực tế giúp người học mở mang kiến thức về văn hóa,

con người, địa danh. “Một số nhóm lựa chọn địa điểm nổi tiếng ở Hà Nội; các em giới thiệu về địa danh như những hướng dẫn viên thực thụ. Có nhóm chọn chủ đề về ẩm thực đường phố; video của các em khiến người xem như tham gia vào một tour ẩm thực hấp dẫn” (Giảng viên 5). “Thông qua chuyến đi, các em tìm hiểu thêm về cuộc sống của các nghệ nhân làng gốm Bát Tràng, thêm hiểu biết về làng nghề truyền thống” (Giảng viên 7).

Hơn nữa, 7/8 (87,5%) giảng viên nhất trí rằng hoạt động đi thực tế thúc đẩy sự chủ động, ý thức tự học, tự khám phá, tìm kiếm thông tin của người học. “Khi nhận được nhiệm vụ, các nhóm thảo luận để thống nhất chủ đề, lựa chọn địa điểm, tìm kiếm thông tin về địa điểm đó để lên kịch bản cho chuyến đi” (Giảng viên 8). “Với yêu cầu về sản phẩm, sinh viên cần nộp lại video của chuyến đi, chuẩn bị bài thuyết trình. Các em tìm tòi các phần mềm chỉnh sửa video, xây dựng bài trình bày bằng ứng dụng Canvas rất chuyên nghiệp” (Giảng viên 5). Thêm vào đó, 62,5% giảng viên đồng quan điểm rằng hoạt động này giúp người học cải thiện kỹ năng thuyết trình.

Ngoài ra, hoạt động đi thực tế có nhiều lợi ích trong phát triển kỹ năng liên nhân. 7/8 (87,5%) giảng viên cho rằng sinh viên cải thiện kỹ năng làm việc nhóm và tăng sự tương tác với bạn học. “Các thành viên trong nhóm cùng hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành mục tiêu” (Giảng viên 8). “Một trong những kỹ năng quan trọng khi làm việc nhóm là biết lắng nghe và trình bày quan điểm cá nhân. Tôi thấy hoạt động này giúp các em tự tin hơn khi chia sẻ ý tưởng của mình” (Giảng viên 2). 75% giảng viên cũng khẳng định rằng hoạt động này giúp sinh viên cải thiện kỹ năng giao tiếp. “Không chỉ giao tiếp với các thành

viên trong nhóm, giao tiếp với người dân địa phương tại địa điểm thực tế, người học cũng cải thiện được kỹ năng giao tiếp bằng văn bản như viết bản kế hoạch, báo cáo, thu hoạch” (Giảng viên 3).

Đáng chú ý là, 75% giảng viên đều nhất trí rằng hoạt động đi thực tế khiến người học có thêm hứng thú với môn học. “Giảng dạy kiến thức trong giáo trình, giao bài tập về nhà là những hoạt động giảng dạy truyền thống quen thuộc nên khi tham gia hoạt động ngoại khóa đi thực tế, sinh viên rất hào hứng. Họ dành thêm thời gian đầu tư vào sản phẩm của nhóm, yêu thích môn tiếng Anh hơn” (Giảng viên 6).

Ngoài ra, 5/8 (62,5%) giảng viên đồng tình rằng tham gia hoạt động, người học được đánh giá, góp ý liên tục. “Theo quy trình triển khai, giáo viên nhận xét bản kế hoạch của các nhóm, góp ý chỉnh sửa kịch bản. Sau khi các nhóm có sản phẩm video đầu tay, giáo viên phản hồi điều chỉnh nếu cần thiết; và bản powerpoint thuyết trình cũng được giáo viên nhận xét trước buổi trình bày” (Giảng viên 5). 50% giảng viên cũng cho rằng tham gia hoạt động này tăng tính kỷ luật với môn học. “Sau khi lập kế hoạch, các thành viên trong nhóm sẽ ký một bản thỏa thuận về nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên, cam kết hoàn thành và nộp sản phẩm cho giáo viên đúng thời hạn. Giáo viên dựa vào bản thỏa thuận đó để giám sát, đánh giá hoạt động nhóm. Do vậy, sinh viên sẽ có trách nhiệm hơn với phần việc của mình và với công việc chung” (Giảng viên 3).

Cuối cùng, 4/8 (50%) giảng viên đề cập đến lợi ích giúp người học tăng khả năng linh hoạt, ứng biến khi tham gia hoạt động đi thực tế. “Có nhóm sinh viên lựa chọn địa điểm Nhà thờ lớn; tuy nhiên, vào ngày đi

thực tế nhà thờ đóng cửa để bảo trì nên các em đã linh động chuyển địa điểm để vẫn hoàn thành được nhiệm vụ được giao” (Giảng viên 1).

3.2.2. Lợi ích cho giảng viên

Bảng 3. Quan điểm của giảng viên về lợi ích của hoạt động đi thực tế đối với giảng viên

Lợi ích của hoạt động đi thực tế đối với giảng viên	Tỉ lệ %
Thêm phần khích với môn học	100
Thắt chặt kỷ luật lớp học	75,0
Tăng khả năng tương tác với sinh viên	87,5

100% giảng viên nhận định hoạt động mới này khiến họ phấn khích hơn với môn học: “Đây là một hoạt động rất hay. Nhìn sự hào hứng của các em, tôi thấy môn học B1 như có thêm sức sống mới” (Giảng viên 6). Giảng viên 4 chia sẻ: “Tôi rất hồi hộp chờ sản phẩm từ sinh viên của mình. Khi xem sản phẩm, tôi cũng thấy được các em đã đầu tư cho hoạt động này như thế nào”.

75% giảng viên cho rằng tổ chức hoạt động đi thực tế sẽ giúp thắt chặt kỷ luật lớp học. “Trong hoạt động này, sinh viên là trung tâm, là người trực tiếp thực thi các nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về sản phẩm; do vậy, họ có kỷ luật tốt hơn với lớp học và giáo viên dễ dàng tổ chức, duy trì các hoạt động hơn” (Giảng viên 2).

Thêm vào đó, 7/8 (87,5%) giảng viên đồng nhất quan điểm rằng tổ chức hoạt động đi thực tế tăng khả năng tương tác giữa họ với người học. “Trong các giờ học trên lớp, tôi chưa có nhiều thời gian để tiếp cận học trò. Khi triển khai hoạt động này, nhận xét, hỗ trợ các em trong các giai đoạn khác nhau khiến tôi biết hiểu hơn về năng lực, điểm mạnh, hạn chế của các em” (Giảng viên 1). “Mối quan hệ giữa cô trò cũng trở nên tốt hơn sau hoạt động. Khi

mình gần gũi với sinh viên, sẵn sàng trợ giúp họ, họ cũng sẽ mạnh dạn và cởi mở chia sẻ nhiều hơn. Nhờ đó, không khí học tập trên lớp cũng trở nên thoải mái hơn” (Giảng viên 7). “Sau hoạt động, tôi nhận được nhiều lời cảm ơn từ sinh viên vì đã đồng hành cùng các em trong suốt năm tuần triển khai hoạt động. Các em rất hứng thú với nhiệm vụ của mình và vui vẻ thực hiện các nhiệm vụ khác trên lớp” (Giảng viên 6).

3.3. Quan điểm của giảng viên về những khó khăn trong triển khai hoạt động đi thực tế

Bảng 4. Quan điểm của giảng viên về những khó khăn trong triển khai hoạt động đi thực tế

Khó khăn trong triển khai hoạt động đi thực tế	Tỉ lệ %
Thiếu thời gian	75,0
Không đi cùng được tất cả các nhóm	87,5
Thêm trách nhiệm, vai trò mới	62,5
Áp lực từ việc tăng khối lượng công việc ngoài giờ của giảng viên	75,0
Thiếu kinh nghiệm của giảng viên trong triển khai hoạt động đi thực tế	75,0
Thiếu bộ tiêu chí đánh giá chi tiết sản phẩm	62,5

Một số giảng viên cho rằng họ không có đủ thời gian cho hoạt động và áp lực về việc tăng khối lượng công việc ngoài giờ. “Giáo viên phải lên khung thời gian, đồng hành cùng sinh viên trong tất cả các giai đoạn của dự án, từ duyệt kịch bản, nhận xét sản phẩm, powerpoint thuyết trình, sau đó chấm sản phẩm của các nhóm” (Giảng viên 8). Với đặc thù của hoạt động lấy người học làm trung tâm, khác với giờ dạy trên lớp, giảng viên còn đảm nhiệm thêm vai trò mới là người cố vấn, hỗ trợ và giám sát. “Với đối tượng sinh viên không chuyên tiếng

Anh, tôi phải nhận xét từng câu, chữ trong kịch bản cho chuyển đi, kể cả lỗi chính tả trong slides” (Giảng viên 6). Hơn nữa “nhiều sinh viên đã quen với việc học thụ động; họ chưa chủ động tìm ra giải pháp cho vấn đề mình gặp phải. Khi đó giáo viên phải chỉ dẫn, định hướng cho họ” (Giảng viên 2). Trong khi đó, 75% giáo viên chia sẻ rằng họ thiếu kinh nghiệm trong triển khai hoạt động đi thực tế. Tuy kinh nghiệm giảng dạy, trực giác và khả năng phán đoán cho phép các giáo viên hình dung được các hoạt động cần triển khai ở mỗi giai đoạn nhưng thiếu sót là điều khó tránh khỏi. Trong khi đó, vào buổi đi thực tế, mỗi nhóm sẽ lựa chọn địa điểm khác nhau, giáo viên sẽ khó để đi cùng tất cả các nhóm, do vậy họ gặp khó khăn trong việc giám sát, trợ giúp kịp thời nếu có vấn đề nảy sinh. Cuối cùng, một số giáo viên cho rằng họ thiếu bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm cụ thể. “Đây là lần đầu tiên hoạt động này được triển khai, giáo viên chưa có bộ tiêu chí chi tiết để đánh giá video, bài thuyết trình, bản thu hoạch đồng bộ giữa các lớp. Tôi tự thiết kế bảng đánh giá riêng cho lớp của mình và tham khảo thêm ý kiến của các đồng nghiệp” (Giảng viên 3).

3.4. Một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động đi thực tế

Trong triển khai hoạt động đi thực tế, giáo viên giữ vai trò người tổ chức, hướng dẫn, tư vấn và hỗ trợ. Tùy vào tình hình thực tế, giáo viên có thể điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với đối tượng người học; tuy nhiên cần tuân thủ chặt chẽ các bước tiến hành: Lập kế hoạch - Tổ chức triển khai - Đánh giá sản phẩm học tập - Lấy ý kiến phản hồi. Cụ thể:

Trước chuyến đi

- Giáo viên nên định hướng chủ đề dựa

trên cơ sở tập trung vào nội dung chương trình nhưng đủ rộng để sinh viên có thể tiếp cận từ nhiều góc độ, khuyến khích ý tưởng mới mẻ của người học. Giáo viên cũng là người kiểm soát, phê duyệt ý tưởng của các nhóm để đảm bảo các nhóm có lựa chọn phù hợp và tránh trùng lặp.

- Gợi ý một số trang web Việt - Anh hữu ích, đáng tin cậy về các địa điểm thu hút khách du lịch để người học tham khảo, đồng thời cũng khuyến khích sự khám phá, tìm tòi và óc sáng tạo không giới hạn từ người học.

- Đưa ra hướng dẫn cụ thể về hình thức và nội dung của sản phẩm thông qua phân tích ưu - nhược điểm các mẫu video, mẫu bản thu hoạch, hình ảnh trình chiếu tham khảo; công bố tiêu chí đánh giá cụ thể của giáo viên.

- Hướng dẫn người học một số kỹ năng tiếng Anh cần thiết như phỏng vấn, thuyết trình.

- Sắp xếp phân nhóm trên cơ sở năng lực của các thành viên và vai trò của họ khi thực hiện các hoạt động khác nhau. Với lớp học đa trình độ, giáo viên nên cân nhắc kết hợp đa năng lực để các thành viên trong nhóm học hỏi, hỗ trợ lẫn nhau nhưng cũng cần kiểm soát sự phân công công việc công bằng giữa các thành viên.

- Hướng dẫn sinh viên cách viết kịch bản cho chuyển đi, nhận xét, chỉnh sửa lời thoại.

- Tổng hợp những tài liệu cần thiết và gửi lại cho sinh viên sau buổi học hướng dẫn bao gồm: khung thời gian cho hoạt động, các mẫu văn bản sinh viên cần nộp sau chuyến đi.

- Giáo viên nên thị sát địa điểm thực tế trước khi chuyển đi bắt đầu.

Trong chuyến đi

- Với vai trò là người tổ chức, nếu không

trực tiếp đi cùng, giáo viên có thể yêu cầu người học gửi báo cáo nhanh vào các thời điểm: khởi hành, tình hình thực hiện các nhiệm vụ ở địa điểm thực tế và kết thúc chuyến đi. Nhờ đó, giáo viên giữ vai trò kết nối hoặc giải quyết các vấn đề phát sinh kịp thời để chuyến đi được thành công.

Sau chuyến đi

- Giai đoạn này, giáo viên giữ vai trò người đánh giá. Việc đánh giá nên xem xét đến kiến thức, kỹ năng thu được từ hoạt động, không nên chỉ căn cứ vào sản phẩm học tập cuối cùng.

- Sau hoạt động, giáo viên cần khảo sát lấy ý kiến người tham gia về hoạt động để có những điều chỉnh phù hợp.

4. Kết luận

Với đặc thù của giáo dục đại học, nơi mà người học được yêu cầu thực hành những kiến thức được học trên lớp trong môi trường thật, thì việc áp dụng hoạt động đi thực tế là một trong những hoạt động ý nghĩa, thiết thực và đạt được rất nhiều lợi ích với cả người dạy và người học. Nghiên cứu này được tiến hành trong phạm vi nhỏ với sự tham gia của 8 giảng viên. Đối tượng nghiên cứu hẹp giúp tác giả dễ dàng khảo sát ý kiến của người dạy; tuy nhiên, kết quả, do vậy, cũng chỉ xoay quanh bối cảnh cụ thể nêu trên. Mặc dù sự khái quát hóa không phải là mục tiêu của nghiên cứu này, kết quả khảo sát sẽ có thể gợi ý cho những nghiên cứu trong tương lai thực hiện trong bối cảnh khác. Thêm vào đó, những nghiên cứu tiếp theo có thể thực hiện với quy mô lớn hơn, kết hợp khảo sát cả đối tượng người dạy và người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”*, 2008. Tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-1400-QĐ-TTg-pheduyet-de-an-day-va-hoc-ngoai-ngu-trong-he-thong-giao-duc-quoc-dan-giai-doan-2008-2020-71152.aspx>, truy cập lúc 16:47, ngày 25/6/2021.
- [2] Aggarwal, J. C., *Principles & methods & techniques of teaching*, Vikas Publishing House Ltd., New Dehli, 2008.
- [3] Brian, M. & Linda, J., *Effective use of Field Trips in Educational Programing: A Three Stage Approach*, IFAS Extension University of Florida, 2004.
- [4] Bygate, M., *Speaking*, Oxford University Press, Oxford, 1987.
- [5] Dessy, U., “Teaching English articles by using field trip technique to the eighth grade students”, *E-Journal of English Language Teaching Society (ELTS)*, Vol.2, No.4, 2014.
- [6] Evans, M. D., “A competitive field experience junior high and middle schools, *Social Education*”, Vol.55, No.6, pp.398-399, 1991.
- [7] Forest, K. & Rayne, S., “Thinking outside the classroom: Integrating field trips into a first year undergraduate chemistry curriculum”, *Journal of Chemical Education*, Vol.86, No.11, pp.1290-1294, 2009.
- [8] Jordan, M. F., *Museum Field Trips as an Adjunct to Classroom Instruction*, 2014. Available at <http://www.galazymaine.com/MI/MI2b.htm>, accessed 25 June 2021.
- [9] Khamkhien, A., “Teaching English speaking and English speaking tests in the Thai context: A reflection from Thai perspective”, *English Language Journal*, Vol.3, No.1, pp.184-200, 2010.
- [10] Krepel, W. J., & DuVall, C. R., *Field trips: A guideline for planning and conducting educational experiences*, National Science Teachers Association, Washington, D.C., 1981.
- [11] Michie, M., “Factors influencing secondary science teachers to organize and conduct field trips”, *Australian Science Teacher's Journal*, Vol.44, No.4, pp. 43-50, 1998.
- [12] Nabors, M., Edwards, L., & Murray, R., “Making the case for field trips: What research tells us and what site coordinators have to say”, *Education*, Vol. 129, pp.5-13, 2009.
- [13] Veverka, J., “Teaching outside the walls”, *Education Digest*, Vol.81, No.2, 2015.